**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**BỘ CÔNG AN**

**QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 14/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Căn cước, Bộ Công an được giao nhiệm vụ xây dựng Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử. Đến nay, đã xây dựng xong dự thảo Nghị định và gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương; đồng thời, đã thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công an để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định. Đến ngày 25/3/2024, Bộ Công an đã nhận được ý kiến của:

- **08** Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các quan quan khác tham gia góp ý gồm: Bộ Giao thông và vận tải; Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Đài truyền hình Việt Nam; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Tài chính; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bộ Y tế; Bộ Công thương. Trong đó, Đài Truyền hình Việt Nam có ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử.

- **34** địa phương có ý kiến tham gia góp ý; trong đó, có **18** ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Công an tổng hợp và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định như sau:

**1. Về dự thảo Tờ trình**

| **TT** | **CƠ QUAN GÓP Ý** | **NỘI DUNG GÓP Ý** | **NỘI DUNG**  **GIẢI TRÌNH, TIẾP THU** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH:** Không có ý kiến tham gia | | |
| **2** | **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH:** Không có ý kiến tham gia | | |

**2. Về dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử**

| **TT** | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH** | **CƠ QUAN**  **GÓP Ý** | **NỘI DUNG GÓP Ý** | **NỘI DUNG**  **GIẢI TRÌNH, TIẾP THU** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | Điều 1: Phạm vi  điều chỉnh | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | (1) Điều này quy định phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định “…quyền, nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử…”, tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định không quy định về quyền của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử, đề nghị rà soát lại nội dung này;  (2) Cân nhắc điều chỉnh phạm vi áp dụng, bổ sung thêm trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam (người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch) do đây là đối tượng được quy định tại Luật Căn cước. | (1) Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh nội dung Điều này như sau: “Nghị định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 31, khoản 5 Điều 34, khoản 4 Điều 41 Luật Căn cước và quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về định danh, xác thực điện tử và căn cước điện tử.”  (2) Đề nghị giữ nguyên như nội dung dự thảo do đối tượng người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch chỉ được cấp Giấy chứng nhận căn cước, chưa được cấp thẻ căn cước. Do vậy chưa đủ điều kiện để đăng ký tài khoản định danh điện tử. |
| **2** | Điều 1 | Bộ Tài Chính | Đề nghị Bộ Công an làm rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định theo ý kiến tại điểm 1.1 nêu trên. Đồng thời rà soát để đảm bảo thống nhất giữa phạm vi điều chỉnh và nội dung các Điều tại dự thảo Nghị định. | Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh nội dung Điều này như sau: “Nghị định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 31, khoản 5 Điều 34, khoản 4 Điều 41 Luật Căn cước và quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về định danh, xác thực điện tử và căn cước điện tử.” |
| **3** | Điều 2. Đối tượng áp dụng | Bộ Thông tin và Truyền thông | Dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng là “cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam liên quan đến định danh và xác thực điện tử” tuy nhiên trong dự thảo Nghị định chỉ quy định về Danh tính điện tử người nước ngoài ( Điều 5) và Danh tính điện tử tổ chức (Điều 6) mà không có quy định về danh tính điện tử của công dân Việt Nam. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về danh tính điện tử của công dân Việt Nam. | Đề nghị giữ nguyên như nội dung dự thảo do quy định về danh tính điện tử của công dân Việt Nam đã được quy định cụ thể tại khoản 13, Điều 3 Luật Căn cước |
| **4** | Điều 3. Giải thích từ ngữ | Điện Biên | Bổ sung thêm khoản 15: Quy định rõ về ứng dụng Định danh điện tử “VNeID” để có căn cứ đưa vào các giao dịch hành chính và có giá trị sử dụng như thẻ căn cước. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, tại khoản 18, Điều 3 Luật Căn cước đã quy định “*Ứng dụng định danh quốc gia* là ứng dụng trên thiết bị số để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công và các giao dịch khác trên môi trường điện tử, phát triển các tiện ích để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân”. |
| **5** | Điều 3 | Đồng Nai | Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm định nghĩa về “ứng dụng định danh quốc gia” và có tên gọi là ứng dụng VNeID. |
| **6** | Điều 3 | Sơn La | (1) Bổ sung thêm: Định danh điện tử của công dân Việt Nam là “căn cước điện tử”  (2) Khoản 11 Đề nghị Bộ Công an sử dụng vneid.gov.vn là trang thông tin điện tử duy nhất để đảm bảo thống nhất, dễ nhớ (hiện trang này không truy cập được). | (1) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, tại khoản 17 Điều 3 Luật Căn cước đã quy định “*Căn cước điện tử* là căn cước của công dân Việt Nam được thể hiện thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập”.  (2) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để bảo đảm tính đầy đủ, khẳng định giá trị pháp lý của trang thông tin định danh điện tử do Bộ Công an tạo lập, phát triển từ hệ thống định danh và xác thực điện tử. |
| **7** | Điều 3 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | (1) khoản 1 định nghĩa: “Danh tính điện tử là thông tin của một cá nhân hoặc một tổ chức trong hệ thống thông tin cho phép xác định duy nhất cá nhân hoặc tổ chức trên môi trường điện tử”, đề nghị làm rõ cụm từ “môi trường điện tử” do môi trường điện tử mang nghĩa rất rộng;  (2) khoản 11 đưa ra định nghĩa về dinhdanhdientu.gov.vn và vneid.gov.vn tuy nhiên nội dung này không được đề cập tại toàn bộ dự thảo Nghị định, đề nghị rà soát lại nội dung này;  (3) cân nhắc chỉ sử dụng một trong hai khái niệm “số định danh” hoặc “mã định danh” để đảm bảo tính nhất quán. | (1) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do môi trường điện tử là môi trường trong đó thông tin được tạo lập, cung cấp, trao đổi, thu thập, xử lý, lưu trữ thông qua mạng internet, mạng máy tính, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu. Do vậy, việc quy định danh tính điện tử như trong dự thảo Nghị định là hoàn toàn phù hợp.  (2) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để bảo đảm tính đầy đủ, khẳng định giá trị pháp lý của trang thông tin định danh điện tử do Bộ Công an tạo lập, phát triển từ hệ thống định danh và xác thực điện tử.  (3) Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, thống nhất sử dụng khái niệm “Số định danh” để bảo đảm tính nhất quán. |
| **8** | Điều 3 | Bộ Tài Chính | (1) Luật Căn cước năm 2023 quy định về “Danh tính điện tử của công dân Việt Nam”, “Định danh điện tử đối với công dân Việt Nam”, “ Xác thực điện tử đối với danh tính điện tử của công dân Việt Nam” (khoản 13, 15, 16 Điều 3); trong khi dự thảo Nghị định quy định về “Danh tính điện tử”, “Định danh điện tử”, “Xác thực điện tử”(khoản 1, 3, 7 Điều 3) có nội dung khái quát, bao trùm khái niệm “Danh tính điện tử của công dân Việt Nam”, “Định danh điện tử đối với công dân Việt Nam”, “ Xác thực điện tử đối với danh tính điện tử của công dân Việt Nam”. Đề nghị xem xét lại tính phù hợp của các quy định này tại dự thảo Nghị định, không quy định nhắc lại các nội dung giải thích từ ngữ đã được quy định tại Luật, đảm bảo tính thống nhất trong xây dựng pháp luật theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.  (2) Khoản 1 Điều 12 Luật Căn cước năm 2023 quy định: “Số định danh cá nhân của công dân Việt Nam là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập cho công dân Việt Nam”; khoản 12 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định “Số định danh của người nước ngoài là dãy số tự nhiên duy nhất do hệ thống định danh và xác thực điện tử xác lập để quản lý danh tính điện tử của một cá nhân người nước ngoài”; khoản 13 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định:“Mã định danh điện tử của tổ chức là dãy số tự nhiên duy nhất do hệ thống định danh và xác thực điện tử xác lập để quản lý danh tính điện tử của một tổ chức”. Để thống nhất về từ ngữ, đề nghị xem xét sử dụng khái niệm “Số định danh của tổ chức” thay cho “Mã định danh điện tử của tổ chức” tại khoản 13 Điều 3 và các điều, khoản liên quan khác trong dự thảo Nghị định.  (3) Khoản 11 Điều 3 dự thảo Nghị định giải thích “Dinhdanhdientu.gov.vn, vneid.gov.vn”, tuy nhiên các từ ngữ này không được sử dụng ở điều, khoản nào khác trong dự thảo Nghị định. Đề nghị rà soát sự cần thiết giải thích các từ ngữ này tại Điều 3.  (4) Đề nghị Bộ Công an nghiên cứu làm rõ việc áp dụng các loại định danh điện tử quy định tại Điều 3 cho đối tượng hộ kinh doanh (được quy định tại các điều thuộc Chương 3 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp). | (1) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do quy định tại khoản 13, 15, 16 Điều 3 Luật Căn cước đang khái niệm cho đối tượng là công dân Việt Nam; tại khoản 1, 3, 7 Điều 3 dự thảo nghị định đang khái niệm cho đối tượng bao gồm cả công dân Việt Nam, các cơ quan tổ chức và người nước ngoài tham gia vào hoạt động Định danh và xác thực điện tử.  (2) Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, thống nhất sử dụng khái niệm “Số định danh” để bảo đảm tính nhất quán.  (3) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để bảo đảm tính đầy đủ, khẳng định giá trị pháp lý của trang thông tin định danh điện tử do Bộ Công an tạo lập, phát triển từ hệ thống định danh và xác thực điện tử.  (4) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do chủ thể cơ quan, tổ chức đã bao hàm các đối tượng là hộ kinh doanh (được quy định tại các điều thuộc Chương 3 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp). |
| **9** | Điều 3 | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Đề nghị bổ sung và giải thích cụm từ “ứng dụng định danh quốc gia”.  Lý do: Thuật ngữ ngày đang được sử dụng trong các nội dung của dự thảo Nghị định nhưng chưa có giải thích từ ngữ. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do khái niệm “ứng dụng định danh quốc gia” đã được quy định tại khoản 18 Điều 3 Luật Căn cước. |
|  | Điều 3 | Bộ Y Tế | (1) Đối với nội dung giải thích từ ngữ được quy định tại Điều 3 của dự thảo Nghị định như “Tài khoản định danh điện tử” có cần làm rõ nội dung “...hình thức xác thực khác” bao gồm những hình thức nào ?  (2) “Yếu tố xác thực” cần bổ sung rõ là phương tiện xác thực điện tử ? hay ứng dụng xác thực điện tử ? cần làm rõ hơn nội dung này.  (3) Đối với giải thích từ ngữ về “Dinhdanhdientu.gov.vn, vneid.gov.vn” đây là tên miền của trang thông tin định danh điện tử, không nên đưa vào giải thích từ ngữ tại dự thảo Nghị định mà nên đưa vào nội dung có liên quan tại tại Điều khác có liên quan. | (1) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do đây là Điều về giải thích từ ngữ. Quy định cụ thể về hình thức xác thực đã được quy định tại Điều 19 dự thảo Nghị định.  (2) Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh nội dung này như sau: “*Yếu tố xác thực* là phương tiện xác thực được sử dụng để xác định chủ thể danh tính điện tử trước khi truy cập, khai thác thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử.”  (3) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để bảo đảm tính đầy đủ, khẳng định giá trị pháp lý của trang thông tin định danh điện tử do Bộ Công an tạo lập, phát triển từ hệ thống định danh và xác thực điện tử. |
| **10** | Điều 5. Danh tính điện tử người nước ngoài | Hải Dương,  Hà Tĩnh | (1) Điểm e Khoản 1 sửa thành: Hộ chiếu hoặc giấy tờ, có giá trị đi lại quốc tế số ký hiệu…  (2) Bổ sung Điều quy định về thẩm quyền cấp tài khoản định danh mức độ 2 của công dân Việt Nam cho phù hợp với Điều 28 Luật Căn cước | (1) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung vào dự thảo Nghị định “Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và nơi cấp của hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;”  (2) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh nội dung quy định về thẩm quyền được quy định tại Điều 16 dự thảo Nghị định “Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử.” |
| **11** | Điều 5 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | (1) Dự thảo Nghị định áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, tuy nhiên điều 5 hiện chỉ đề cập đến “danh tính điện tử người nước ngoài” và “danh tính điện tử tổ chức”, do đó đề nghị bổ sung nội dung về “danh tính điện tử công dân Việt Nam”;  (2) Điểm b khoản 1 Điều 5: Đề nghị cân nhắc sửa thành “Họ, chữ đệm và tên trên hộ chiếu” để đảm bảo rõ ràng. | (1) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do khái niệm “danh tính điện tử công dân Việt Nam” đã được quy định tại khoản 13 Điều 3 Luật Căn cước nên dự thảo Nghị định không nhắc lại.  (2) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì ngoài hộ chiếu người nước ngoài có thể cung cấp các loại giấy tờ có giá trị pháp lý khác chứng minh thông tin Họ, chữ đệm và tên; đồng thời để phù hợp với quy cách, thể thức văn bản quy phạm pháp luật. |
| **12** | Điều 5 | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Đề nghị bổ sung trước Điều 5 một Điều quy định về Danh tính điện tử của công dân Việt Nam. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do nội dung quy định về “danh tính điện tử công dân Việt Nam” đã được quy định tại khoản 13 Điều 3 Luật Căn cước nên dự thảo Nghị định không nhắc lại. |
|  | Điều 6. Danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức | Bộ Y Tế | Về nội dung quy định danh tính điện tử tổ chức quy định tại Điều 6, nên có đánh giá thêm về hiện trạng định danh của tổ chức đang được triển khai tại Việt Nam để quy định được các nội dung phù hợp tại Điều này. Nội dung về “Mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức” là trường bắt buộc thay vì nếu có như dự thảo Nghị định hiện đang quy định; nên xem xét có quy định về nguyên tắc cấp mã định danh tại Điều này. | Tại điểm g) khoản 1, Điều 6 dự thảo Nghị định quy định “Mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức (nếu có);” đây là thông tin không bắt buộc phải có để xác định chủ thể danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức.  Về nguyên tác cấp số định danh cho cơ quan, tổ chức, cơ quan soạn thảo đã quy định tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định. |
| **13** | Điều 7. Phân loại, đối tượng được cấp căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử | Quảng Ninh | Việc cấp tài khoản định danh cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam là áp dụng đối với người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam sinh sống, lao động, học tập tại Việt Nam trong thời gian dài hay áp dụng cả đối với người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam thăm thân, du lịch, tạm trú trong thời gian ngắn hạn. | Việc cấp tài khoản định danh cho người nước ngoài tùy thuộc vào nhu cầu của người đó, không phụ thuộc vào thời gian cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam mà chỉ cần thực đúng quy định về trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử đối với người nước ngoài theo quy định tại điều 11 Dự thảo Nghị định. |
| **14** | Điều 7 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | (1) Khoản 1 đề nghị sửa “tài khoản định danh mức độ 1” thành “tài khoản định danh điện tử mức độ 1”;  (2) Khoản 1 quy định “công dân Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2”, tuy nhiên toàn bộ dự thảo không đề cập đến tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của công dân Việt Nam, do đó đề nghị rà soát nội dung tại điều này và các điều khoản liên quan khác trong dự thảo; đồng thời bổ sung nội dung để phân biệt “tài khoản định danh điện tử mức độ 1” và “tài khoản định danh điện tử mức độ 2” của công dân Việt Nam;  (3) Đối với nội dung về “căn cước điện tử”: hiện chỉ đang đề cập “tài khoản định danh điện tử mức độ 2 (căn cước điện tử)”, đề nghị rà soát lại nội dung này để đảm bảo phù hợp với định nghĩa tại Luật Căn cước (theo định nghĩa tại Luật Căn cước, “căn cước điện tử là căn cước của công dân Việt Nam được thể hiện thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập”, như vậy, theo Luật hiện căn cước điện tử được thể hiện thông qua tài khoản định danh điện tử và không phân biệt mức độ).  (4) Khoản 4 Điều 7: đề nghị giải thích lý do loại trừ thông tin về vân tay của người nước ngoài trong tài khoản định danh điện tử mức độ 1, trong khi điểm b khoản 2 Điều 5 quy định về danh tính điện tử nước ngoài có thông tin này. | (1) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị định “Công dân Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02”.  (2) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Nghị định các quy định, giá trị sử dụng, trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, mức độ 02 cho các đối tượng áp dụng trong dự thảo Nghị định.  (3) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung quy định đối với “căn cước điện tử” tại Chương V dự thảo Nghị định.  (4) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do việc đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 01 được thực hiện trực tuyến, do đó không thu nhận thông tin sinh trắc vân tay của người nước ngoài. |
| **14** | Điều 7 | Bộ Tài Chính | (1) Khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định “Tài khoản định danh điện tử là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử”. Tuy nhiên, tại khoản 4 và khoản 5 Điều 7 quy định “Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam, người nước ngoài gồm thông tin về danh tính điện tử của công dân Việt Nam, người nước ngoài (trừ thông tin về vân tay).”; “Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của người nước ngoài, của tổ chức gồm thông tỉn quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này và các thông tin khác được chia sẻ, cập nhật từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành”. Đề nghị rà soát, đảm bảo tính thống nhất giữa quy định tại khoản 5 Điều 3 và các quy định tại khoản 4, 5 Điều 7 nêu trên.  (2) Khoản 1 Điều 7 quy định: “Công dân Việt Nam được cấp tài khoản định danh mức độ 1, tài khoản định danh điện tử mức độ 2 (căn cước điện tử)”, đề nghị sửa “tài khoản định danh mức độ 1” thành “tài khoản định danh điện tử mức độ 1” để thống nhất từ ngữ sử dụng trong dự thảo Nghị định (khoản 5 Điều 3, khoản 4 Điều 7, Điều 8…).  (3) Đề nghị bổ sung điều, khoản riêng quy định cụ thể mối liên kết giữa “tài khoản định danh điện tử mức độ 2” và “căn cước điện tử”, đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 17 Điều 3 Luật Căn cước năm 2023 “Căn cước điện tử là căn cước của công dân Việt Nam được thể hiện thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập”.  (4) Khoản 3 Điều 7 quy định: “Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2”; khoản 5 Điều 7 quy định nội dung thông tin của tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của tổ chức. Tuy nhiên, khoản 6 Điều 9 quy định “Tài khoản định danh điện tử của tổ chức do người đại diện theo pháp luật thực hiện hoặc giao cho người được ủy quyền sử dụng. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức có giá trị…” và không có điều, khoản nào quy định nội dung thông tin của “Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của tổ chức”. Để không gây nhầm lẫn, đề nghị quy định rõ: tổ chức có được cấp và sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 1 hay không; tài khoản định danh điện tử quy định tại khoản 6 Điều 9 là mức độ 1 hay mức độ 2. | (1) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh khái niệm “Tài khoản định danh điện tử là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử, được dùng để truy cập, sử dụng các tính năng, tiện ích, ứng dụng của hệ thống định danh và xác thực điện tử và hệ thống thông tin khác”. Đồng thời, quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 7 dự thảo Nghị định để quy định cụ thể về phân loại, giá trị sử dụng đối với tài khoản định danh điện tử mức độ 01, mức độ 02.  (2) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị định “Công dân Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02”.  (3) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung quy định đối với “căn cước điện tử” tại Chương V dự thảo Nghị định.  (4) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung nội dung trên tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định “Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử của cơ quan, tổ chức không phân phân biệt theo mức độ”. |
| **15** | Điều 7 | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Đề nghị gộp nội dung Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7, cụ thể sửa lại như sau:  "Công dân Việt Nam và người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02." | Đối với nội dung tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan soạn thảo đã bổ sung quy định cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02 đối với các đối dưới 06 tuổi; từ đủ 06 tuối đến dưới 14 tuổi và trên 14 tuổi. |
| **16** | Điều 8. Cập nhật thông tin vào căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử | Bộ Thông tin và Truyền thông | Cập nhật thông tin vào căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử: đề nghị làm rõ chủ thể thực hiện việc cập nhật thông tin vào căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử. | Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung nội dung trên tại Điều 8 dự thảo Nghị định như sau: **“**Điều 8. Cập nhật thông tin vào hệ thống định danh và xác thực điện tử  1. Thông tin của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có sự thay đổi thì được tự động cập nhật vào hệ thống định danh và xác thực điện tử.  2. Thông tin của cơ quan, tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác được tự động cập nhật vào hệ thống định danh và xác thực điện tử để tạo lập số định danh của cơ quan, tổ chức, phục vụ hoạt động định danh và xác thực điện tử.” |
| **17** | Điều 9. Sử dụng tài khoản định danh điện tử, tài khoản khác do cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo lập | Thừa Thiên Huế | Bổ sung nội dung: “ Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 (căn cước điện tử) có giá trị sử dụng được quy đinh tại Điều 33 Luật Căn cước. Khi chủ thể danh tính điện tử sử dụng căn cước điện tử trong các hoạt động giao dịch thì có giá trị tương đương với việc xuất trình giấy tờ, tài liệu để chứng minh về căn cước và các thông tin đã được tích hợp vào căn cước điện tử” . | Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung nội dung trên tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định như sau: “Thông tin được khai thác, sử dụng thông qua tài khoản định danh điện tử và thông tin được tích hợp trong ứng dụng định danh quốc gia có giá trị chứng minh, tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác.” |
| **18** | Điều 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Sử dụng tài khoản định danh điện tử, tài khoản khác do cơ quan tổ chức cá nhân tạo lập: đề nghị thay cụm từ “tài khoản khác” thành “tài khoản giao dịch điện tử” để phù hợp với Luật Giao dịch điện tử (Điều 40). Theo đó, tài khoản giao dịch điện tử do chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử cấp, được sử dụng để thực hiện giao dịch điện tử, nhằm lưu trữ lịch sử giao dịch và bảo đảm chính xác trình tự giao dịch của chủ tài khoản. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn sử dụng tài khoản giao dịch điện tử phù hợp với nhu cầu (trừ dịch vụ hành chính công và thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật định danh và xác thực). | Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định như sau: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân được tạo lập tài khoản giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử để phục vụ cho hoạt động của mình và chịu trách nhiệm xác thực, bảo đảm tính chính xác của tài khoản do mình tạo lập, quyết định mức độ và giá trị sử dụng của từng mức độ tài khoản. Thông tin để tạo lập tài khoản do chủ thể của tài khoản cung cấp và đồng ý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để tạo lập tài khoản” |
| **18** | Điều 9 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | (1) Tại khoản 3, 4, 5, 6 đề cập đến việc tài khoản định danh điện tử “có giá trị chứng minh các thông tin” của cá nhân/tổ chức, tuy nhiên dự thảo Nghị định chưa chỉ rõ cách thức chứng minh được thông tin cũng như phương thức xác thực để chứng minh thông tin. Do đó đề nghị cân nhắc làm rõ nội dung này để có cơ sở thực hiện triển khai;  (2) Tại khoản 6: đề nghị cân nhắc tham khảo ý kiến của Bộ tư pháp đối với trường hợp “người được ủy quyền sử dụng” tài khoản định danh điện tử của tổ chức, làm rõ cách thức để xác thực được người được ủy quyền khi sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức;  (3) Cân nhắc rà soát bổ sung quy định về sử dụng tài khoản định danh điện tử đối với tài khoản định danh điện tử cấp độ 2 của công dân Việt Nam;  (4) Tại khoản 7 “cơ quan, tổ chức, cá nhân được tạo lập tài khoản để phục vụ cho hoạt động của mình và chịu trách nhiệm xác thực, bảo đảm tính chính xác của tài khoản do mình tạo lập, quyết định mức độ và giá trị sử dụng của từng mức độ tài khoản”. Đề nghị làm rõ việc xác thực tài khoản này có phải là việc xác thực điện tử với “cơ sở dữ liệu khác” theo quy định tại khoản 7 Điều 3 hay không? | (1) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung nội dung trên tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định như sau “Thông tin được khai thác, sử dụng thông qua tài khoản định danh điện tử và thông tin được tích hợp trong ứng dụng định danh quốc gia có giá trị chứng minh, tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác”. Đồng thời tại Điều 21 dự thảo Nghị định đã quy định Phương thức xác thực điện tử trong thực hiện giao dịch thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.  (2) Đối với nội dung này, cơ quan soạn thảo thấy không còn phù hợp nên đã lược bỏ trong nội dung dự thảo Nghị định.  (3) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung nội dung trên tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị định như sau “Tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của công dân Việt Nam được sử dụng để truy cập, khai thác, sử dụng căn cước điện tử, thông tin khác được chia sẻ, tích hợp, cập nhật từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (ngoài thông tin đã tích hợp vào căn cước điện tử) và các tiện ích, ứng dụng của hệ thống định danh và xác thực điện tử, hệ thống thông tin khác.  (4) Đối với nội dung này, việc xác thực tài khoản này không phải là việc xác thực điện tử với “cơ sở dữ liệu khác” mà đây là các tài khoản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập và chịu trách nhiệm đối với tính chính xác của thông tin trong tài khoản được tạo lập. |
| **19** | Điều 9 | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Đề nghị sửa lại Khoản 3 Điều 9: "Thông tin, giấy tờ được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh, tương đương với việc cung cấp thông tin, giấy tờ hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chưa thông tin, giấy tờ đó trong thực hiện TTHC, DVC, các giao dịch và hoạt động khác." | Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung nội dung trên tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định như sau “Thông tin được khai thác, sử dụng thông qua tài khoản định danh điện tử và thông tin được tích hợp trong ứng dụng định danh quốc gia có giá trị chứng minh, tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác”. |
|  | Điều 10. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1, căn cước điện tử đối với công dân Việt Nam | Bộ Tài Chính | (1) Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của dự thảo Nghị định, trường hợp công dân chưa được cấp thẻ căn cước muốn đăng ký căn cước điện tử phải làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước. Quy định như vậy dẫn đến tình huống, công dân đang sử dụng thẻ căn cước công dân vẫn còn giá trị sử dụng trong thời gian rất dài (theo quy định tại Điều 46 Luật Căn cước) vẫn phải làm thủ tục cấp đổi sang thẻ căn cước mới được thực hiện thủ tục đăng ký căn cước điện tử. Quy định này có tác dụng thúc đẩy công dân thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước, nhưng đồng thời gây hạn chế việc đăng ký căn cước điện tử. Do đó, đề nghị xem xét tính phù hợp của quy định này.  (2) Đề nghị bổ sung quy định áp dụng cho tình huống người dân thay đổi số điện thoại, thiết bị di động sau khi đã cấp tài khoản định danh điện tử. | (1) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 10 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể đối với 02 trường hợp công dân đã được cấp thẻ căn cước và chưa được cấp thẻ căn cước. Trường hợp công dân đã được cấp thẻ căn cước thực hiện thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử (mức 02) chỉ cần xuất trình thẻ căn cước, không phải thực hiện cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.  (2) Tiếp thu ý kiến, tuy nhiên nội dung này sẽ được đưa vào quy trình hướng dẫn cụ thể do Bộ Công an ban hành để hướng dẫn cho cán bộ trực tiếp thực hiện. |
| **20** | Điều 10 | Bắc Ninh,  Điện Biên | Tại điểm a, khoản 3: Đề nghị bỏ cụm từ “*cấp đổi, cấp lại*” vì các trường hợp này chưa làm thủ tục cấp căn cước bao giờ. | Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh nội dung trên tại khoản 3 Điểu 10 dự thảo Nghị định như sau: “Đối với trường hợp công dân chưa được cấp thẻ căn cước thì thực hiện đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử đồng thời với việc thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.” |
| **21** | Điều 10 | Quảng Ninh | Sửa đổi khoản 2, khoản 3: Quy định rõ thành 2 trường hợp đăng ký căn cước điện tử đối với người chưa đủ 14 tuổi và trường hợp đủ 14 tuổi trở lên đồng thời quy định rõ trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ. | Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh, bổ sung nội dung trên tại điểm d khoản 1 Điều 10 và điểm d khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như sau:  “điểm d khoản 1: Người đại diện, người giám hộ sử dụng số thuê bao di động chính chủ của mình và tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của mình để kê khai, đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01 cho công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện thông qua ứng dụng định danh quốc gia.  điểm d khoản 2: Người từ đủ 06 tuổi đến dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện cùng người đại diện hoặc người giám hộ của mình đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc nơi làm thủ tục cấp thẻ căn cước để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02.  Người đại diện, người giám hộ sử dụng số thuê bao di động chính chủ của mình để kê khai, đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 cho công dân Việt Nam là người từ đủ 06 tuổi đến dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện.” |
| **22** | Điều 10 | Bộ Y tế | Tại Điều 10 nên có phương án đối với người dân không thể sử dụng thiết bị di động hoặc ứng dụng định danh quốc gia (thường là người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo,...hoặc nơi chưa phủ sóng di động, internet); tương tự như vậy đối với người nước ngoài tại Khoản 1, Điều 11. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Nghị định này quy định về hoạt động định danh, xác thực điện tử, căn cước điện tử. Do đó việc sử dụng thiết bị di động |
| **23** | Điều 10 | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Tại Điểm c Khoản 1 Điều 10, đề nghị bỏ cụm từ "ứng dụng định danh quốc gia hoặc". Lý do: Đây là trường hợp Công dân tạo lập tài khoản định danh, chưa có tài khoản để đăng nhập VNeID, nên không thể nhận thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng này. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì khi công dân đăng ký tài khoản định danh điện tử qua ứng dụng định danh quốc gia thì trong quá trình chờ phê duyệt thì công dân vẫn có thể theo dõi được quá trình xử lý, phê duyệt. Thông báo kết quả sẽ được gửi qua ứng dụng định danh quốc gia để công dân biết và thực hiện việc kích hoạt tài khoản. |
| **24** | Điều 10 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | - Điều 10: Đề nghị giải thích làm rõ về “ứng dụng định danh quốc gia” (nội dung, chức năng, đơn vị tạo lập, quản lý, vận hành…). | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung về “ứng dụng định danh quốc gia” đã được quy định tại khoản 18 Điều 3 Luật Căn cước như sau: “*Ứng dụng định danh quốc gia* là ứng dụng trên thiết bị số để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công và các giao dịch khác trên môi trường điện tử, phát triển các tiện ích để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân” |
|  | Điều 10 | Đồng Nai | (1) Đề nghị cơ quan soạn thảo giải thích rõ hơn việc người đại diện, người giám hộ sử dụng số điện thoại của mình để đăng ký cấp căn cước điện tử cho công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện do hiện nay mỗi công dân chỉ được sử dụng 01 số điện thoại để đăng ký cấp căn cước điện tử  (2) Tại khoản 3, Điều 10, Chương III: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “công dân đến cơ quan Công an nơi làm thủ tục cấp thẻ căn cước để làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại căn cước...” thành“công dân đến cơ quan Công an nơi làm thủ tục cấp thẻ căn cước để làm thủ tục cấp thẻ căn cước...”. Lý do: quy định tại khoản 3 là đăng ký căn cước điện tử đối với công dân chưa được cấp thẻ căn cước, do đó người dân không thể làm thủ tục cấp đổi, cấp lại căn cước. | (1) Tại Điều 10 dự thảo Nghị định, cơ quan soạn thảo quy định theo hướng Người đại diện, người giám hộ sử dụng số thuê bao di động chính chủ của mình để kê khai, đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 cho công dân Việt Nam là người từ đủ 06 tuổi đến dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện. Theo đó, số điện thoại chính chủ của người đại diện, người giám hộ có thể đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử cho mình và cho người được giám hộ, người được đại diện.  (2) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã tu chỉnh nội dung trong dự thảo Nghị định. |
| **25** | Điều 11. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với người nước ngoài | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | (1) Tại khoản 1: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định đối với người nước ngoài chưa đủ 14 tuổi hoặc người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.  (2) Tại điểm b khoản 1: Đề nghị nghiên cứu bổ sung một số nội dung sau: “... hoặc số thuê bao di động đã đăng ký thông tin thuê bao (nếu có)”. Tương tự bổ sung nội dung trên vào điểm a khoản 2 Điều 12. | (1) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã bổ sung nội dung trên tại Điều 11 dự thảo Nghị định.  (2) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã tu chỉnh nội dung trong dự thảo Nghị định. |
|  | Điều 11 | Bộ Y tế | Về nội dung quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 11 cần làm rõ giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế là gì và bao gồm những giấy tờ nào; đối với công dân Việt Nam khi sử dụng đi lại quốc tế có áp dụng chung để thống nhất với quốc tế hay không. |  |
| **26** | Điều 12. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với tổ chức | Bộ Tài Chính | (1) Tại khoản 2 Điều 12, đề nghị bổ sung quy định cụ thể việc xác minh thông tin trong trường hợp thông tin về tổ chức chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.  (2) Tại khoản 3 Điều 12 quy định “Trường hợp tổ chức có nhiều người đại diện theo pháp luật thì cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử gửi yêu cầu xác thực về việc đồng ý đăng ký tài khoản định danh điện tử cho tổ chức tới từng người đại diện theo pháp luật qua ứng dụng định danh quốc gia”. Quy định này dẫn đến yêu cầu, tất cả người đại diện theo pháp luật của tổ chức phải có tài khoản định danh điện tử mức độ 1 hoặc căn cước điện tử trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử cho tổ chức, làm phức tạp thêm thủ tục đăng ký. Đề nghị nghiên cứu thêm về quy định này theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức trong việc đăng ký tài khoản định danh điện tử cho tổ chức.  (3) Theo quy định tại Điều 12, tài khoản định danh điện tử của tổ chức thuộc quản lý/kiểm soát của người đã thực hiện đăng ký tài khoản định danh cho tổ chức. Tuy nhiên, người này có thể chuyển công tác, nghỉ hưu… dẫn đến tổ chức phải thay đổi người quản lý tài khoản định danh điện tử. Để đảm bảo việc sử dụng tài khoản định danh của tổ chức không gặp vướng mắc, đề nghị bổ sung quy định áp dụng cho tình huống tổ chức cần thay đổi người quản lý tài khoản định danh của tổ chức. | (1) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, trong nội dung dự thảo Nghị định cũng đã quy định “Trường hợp thông tin về cơ quan, tổ chức chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì thực hiện xác minh thông tin cơ quan, tổ chức để bảo đảm việc cấp tài khoản được chính xác.”  (2) Đề nghị giữ nguyên như nội dung dự thảo, vì quy định này nhằm tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm tính chặt chẽ cho cơ quan, tổ chức trong việc đăng ký tài khoản định danh điện tử. Việc đăng ký, sử dụng tài khoản định danh điện tử sẽ góp phần thúc đẩy phát triển xã hội số, công dân số.  (3) Tiếp thu ý kiến, tuy nhiên nội dung này sẽ được đưa vào hướng dẫn cụ thể do Bộ Công an ban hành để phù hợp, thuận lợi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện. |
| **27** | Điều 12 | Bắc Ninh,  Hà Giang,  Quảng Ninh,  Đồng Nai | Khoản 4 Đề nghị sửa đổi bổ sung thành: “Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo kết quả tài khoản định danh điện tử cho ***người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu tổ chức*** yêu cầu đề nghị qua ứng dụng định danh…”. | Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh nội dung khoản 4 Điều 12 dự thảo Nghị định như sau: “Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo kết quả tài khoản định danh điện tử cho người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức yêu cầu đề nghị qua ứng dụng định danh hoặc số thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử.” |
| **28** | Điều 14. Kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử | Điện Biên | Bổ sung thêm khoản 4: Quy định về thời hạn Căn cước điện tử và Tài khoản định danh điện tử trùng với thời hạn của Thẻ căn cước. | Đối với thời hạn của Căn cước điện tử: Căn cước điện tử sẽ bị khóa và vô hiệu hóa việc sử dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Căn cước.  Tại khoản 1 Điều 15 dự thảo Nghị định cũng đã quy định “Hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử của công dân khi căn cước điện tử của công dân được khóa, mở khóa” |
| **29** | Điều 16. Thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài, của tổ chức, quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử | Bộ Tài Chính | Đề nghị cân nhắc sửa quy định “Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thầm quyền cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài, của tổ chức, quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử” thành “Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thầm quyền cấp căn cước điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Căn cước, tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài, của tổ chức; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử” hoặc sửa thành “Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an có thẩm quyền cấp căn cước điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Căn cước, tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài, của tổ chức; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử”; đồng thời sửa tên Điều 16 để phù hợp với nội dung quy định. | Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh nội dung quy định về thẩm quyền được quy định tại Điều 16 dự thảo Nghị định “Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử.” |
|  | Điều 16 | Đồng Nai | Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thẩm quyền cấp căn cước điện tử của công dân Việt Nam. | Tại khoản 1 Điều 28 dự thảo Nghị định quy định “Căn cước điện tử của công dân được cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an tạo lập ngay sau khi công dân hoàn thành thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02”. Do đó, tại Điều 16 dự thảo Nghị định “Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử.” đã bao hàm nội dung quy định thẩm quyền cấp căn cước điện tử của công dân Việt Nam. |
| **30** | Điều 17. Lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử | Bộ Thông tin và Truyền thông | (1) Tại khoản 2 đề nghị quy định cụ thể thông tin cần lưu trữ “thông tin lịch sử về việc sử dụng tài khoản” để bảo đảm minh bạch và quyền được bảo vệ cuộc sống riêng tư, bí mật của cá nhân theo Bộ Luật Dân sự.  (2) Đề nghị bổ sung nội dung quy định đảm bảo an toàn về lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh, xác thực điện tử để đảm bảo đồng bộ với các quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng. | (1) Đề nghị giữ nguyên như nội dung dự thảo. “Thông tin lịch sử về việc sử dụng tài khoản” được lưu trong hệ thống định danh và xác thực điện tử nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu, khai thác, sử dụng của chính chủ thể danh tính điện tử. Các thông tin này được bảo mật, đảm bảo an ninh, an toàn, không bị lộ lọt. Các cá nhân, tổ chức muốn khai thác, sử dụng những thông tin này cần phải được sự đồng ý của chủ tài khoản định danh điện tử, trừ khi phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của cơ quan có thẩm quyền.  (2) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung quy định đảm bảo an toàn về lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử đã đã quy định rất rõ ràng tại Điều 4 về nguyên tắc định danh và xác thực điện tử. |
| **31** | Điều 18. Kết nối, sử dụng tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử | Bộ Tài Chính | Đề nghị quy định cụ thể và phân biệt đối với 02 nhóm đối tượng thực hiện kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử gồm: Cơ quan, tổ chức nhà nước kết nối nhằm cung cấp thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử (Đối tượng bắt buộc); tổ chức, cá nhân kết nối nhằm cung cấp các dịch vụ khác trên môi trường điện tử (Đối tượng tự nguyện). Quy định phân biệt đối với 02 nhóm đối tượng này cần hướng tới đảm bảo:  - Đối tượng bắt buộc được cơ quan quản lý định danh và các cơ quan liên quan hỗ trợ trong trường hợp cần thiết để thực hiện được việc kết nối, nhằm đảm bảo khả năng thực hiện trách nhiệm cung cấp thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử.  - Đối với đối tượng tự nguyện, đề nghị quy định bổ sung các điều kiện đăng ký kết nối (ví dụ: phạm vi mục đích kết nối, quy mô tổ chức đề nghị đăng ký kết nối…) để cơ quan quản lý định danh có thêm căn cứ quyết định cho phép kết nối, đảm bảo việc kết nối mang lại hiệu quả thiết thực và đảm bảo tính minh bạch trong công tác xét duyệt cho phép kết nối. | Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tu chỉnh lại Điều 18 như sau: Điều 18. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử  1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức cung cấp dịch vụ công được kết nối hệ thống thông tin do mình quản lý với hệ thống định danh và xác thực điện tử nếu đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:  a) Phạm vi, mục đích thực hiện kết nối phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức.  b) Hệ thống thông tin đang quản lý đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu cấp độ 3 theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định này.  2. Hồ sơ đề nghị kết nối gồm:  a) Văn bản đề nghị kết nối nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động và phạm vi, mục đích thực hiện kết nối;  b) Giấy tờ, tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Trình tự, thủ tục kết nối:  a) Cơ quan, tổ chức đề nghị kết nối gửi hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử;  b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan, tổ chức đề nghị kết nối, cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức đề nghị kết nối;  c) Trường hợp đồng ý cho phép kết nối thì cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức và tiến hành thực hiện kết nối theo quy chế phối hợp về kết nối thông tin. Trường hợp không đồng ý cho phép kết nối thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  4. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử được kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử để cung cấp dịch vụ xác thực điện tử không phải thực hiện thủ tục quy định tại Điều này.” |
| **32** | Điều 19. Xác thực điện tử | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | (1) Tại khoản 2: Cân nhắc sửa đổi, bổ sung thêm quy định về việc đối tượng “cá nhân là chủ thể danh tính điện tử” được xác thực thông tin của chủ thể danh tính điện tử khi có nhu cầu mà không cần ký thỏa thuận. Theo quy định tại khoản này, các trường hợp cá nhân, tổ chức khác không thuộc khoản 1 Điều này thì việc xác thực danh tính điện tử và các thông tin khác phải thực hiện theo thỏa thuận bằng hợp đồng hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật với Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử. Trên thực tế việc cá nhân là chủ thể danh tính điện tử phải ký thỏa thuận để tự xác thực thông tin của chính mình là không hợp lý;  (2) Tại khoản 2: Đề nghị làm rõ cách thức đồng ý của chủ thể danh tính điện tử. | (1) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Nội dung tại Điều này đang quy định về việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc xác thực thông tin danh tính điện tử, thông tin tài khoản định danh điện tử của chính chủ thể danh tính điện tử, chủ tài khoản định danh điện tử trong việc thực hiện các giao dịch trên môi trường điện tử.  (2) Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh lại khoản 3 như sau: “Việc xác thực danh tính điện tử và các thông tin khác của cá nhân, tổ chức không thuộc khoản 1 Điều này được thực hiện thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử. Việc thực hiện xác thực tài khoản định danh điện tử phải có sự đồng ý của chủ thể danh tính điện tử thông qua hình thức đồng ý bằng văn bản hoặc đồng ý trên ứng dụng định danh quốc gia, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.” |
| **33** | Điều 20. Mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Đề nghị nghiên cứu, xem xét phân cấp việc cấp tài khoản định danh điện tử, quyết định khóa, mở tài khoản... cho cơ quan Công an tại địa phương (Công an cấp tỉnh/huyện).  Lý do: Để giảm tải khối lượng công việc cho cơ quan Công an tại Trung ương khi có phát sinh lớn số lượng hồ sơ đề nghị giải quyết. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để bảo đảm tính thống nhất. Việc phê duyệt cấp tài khoản, khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử được thực hiện trên môi trường điện tử, thông qua việc đối sánh với dữ liệu trong hệ thống định danh và xác thực điện tử, vì vậy việc phân cấp phê duyệt tại cấp Trung ương là hoàn toàn phù hợp. |
| **34** | Điều 21. Phương thức xác thực điện tử trong thực hiện giao dịch thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | (1) Điều 21 quy định về phương thức xác thực điện tử trong thực hiện giao dịch thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử, tuy nhiên khoản 1 Điều này chỉ quy định “việc xác thực điện tử đối với giao dịch trực tuyến được thực hiện qua các phương tiện xác thực phù hợp với mức độ xác thực theo yêu cầu của tổ chức cung cấp dịch vụ trực tuyến đó” và không đề cập đến hệ thống định danh và xác thực điện tử, do đó đề nghị rà soát lại nội dung này;  (2) khoản 2 đề nghị bổ sung chỉnh sửa thành: “Đối với các trường hợp xác thực thông tin tài khoản định danh điện tử tại nơi thực hiện giao dịch, thực hiện xác thực qua giải pháp xác thực được cung cấp tại ứng dụng định danh quốc gia” và làm rõ “giải pháp xác thực được cung cấp tại ứng dụng định danh quốc gia” là giải pháp nào. | (1) Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tu chỉnh khoản 1 Điều 21 như sau: “Việc xác thực điện tử thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với các giao dịch trực tuyến được thực hiện qua các phương tiện xác thực phù hợp với mức độ xác thực theo yêu cầu của tổ chức cung cấp dịch vụ trực tuyến đó.  (2) Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tu chỉnh khoản 2 Điều 21 như sau: “Đối với các trường hợp xác thực thông tin tài khoản định danh điện tử tại nơi thực hiện giao dịch, thực hiện xác thực qua giải pháp xác thực được cung cấp tại ứng dụng định danh quốc gia.” |
|  | Điều 22. Dịch vụ xác thực điện tử | Bộ Y tế | Cần làm rõ “danh mục sản phẩm, dịch vụ xác thực điện tử” tại Điều 22, nên phân biệt với quy định về “xác thực” được quy định tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023 sắp có hiệu lực từ ngày 1/7/2024. Nội dung này có liên quan chặt chẽ với Khoản 3, Điều 14 về “Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử, dịch vụ xác thực điện tử có giá trị pháp lý để khẳng định, chứng minh chủ thể danh tính điện tử đã thực hiện và chấp thuận đối với giao dịch”. |  |
| **35** | Điều 23. Điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử | Bộ Thông tin và Truyền thông | (1) Khoản 4 Điều 23: Dịch vụ xác thực điện tử là dịch vụ kinh doanh có điều kiện, Nghị định chỉ cho phép đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp trong Công an nhân dân (các doanh nghiệp khác kể cả có đáp ứng điều kiện cũng không được tham gia), cho thấy mức độ cao về an ninh, bảo mật của dịch vụ này.  Tuy nhiên dự thảo lại đang cho phép phân phối dịch vụ thông qua đại lý khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn do tổ chức cung cấp dịch quy định và được sự đồng ý của cơ quan quản lý căn cước (Điều 23 Khoản 4).  Đề nghị bỏ nội dung này. Lý do: phát sinh thủ tục hành chính mới; không phù hợp về thẩm quyền tại khoản 2 Điều 22.  (2) Đề nghị bổ sung điều kiện về tài chính phải đáp ứng khi cấp phép cung cấp dịch vụ, để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ do lỗi của tổ chức cung cấp dịch vụ và thanh toán chi phí tiếp nhận và duy trì cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi giấy phép. Vì đây là một hình thức kinh doanh có thu, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ xác thực điện tử phải thanh toán chi phí cho tổ chức cung cấp theo thỏa thuận (Điều 27 dự thảo).  (3) Đề nghị bổ sung quy định về an toàn hệ thống thông tin, cụ thể: “Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xác thực điện tử cho cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi đưa vào vận hành khai thác.”. Lý do: kinh doanh cung cấp dịch vụ xác thực điện tử là hoạt động kinh doanh có điều kiện, cần đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn hệ thống thông tin theo quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng. | (1) Đối với nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại như sau: “Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử được ủy thác cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông qua tổ chức khác khi tổ chức đó đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn do tổ chức cung cấp dịch vụ quy định và được sự đồng ý của cơ quan quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử.”.  Việc ủy thác cho các đại lý được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, do vậy không phát sinh thủ tục hành chính và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều 22 dự thảo Nghị định.  (2) Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Các tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp trong Công an nhân dân là các đơn vị nhà nước được Bộ Công an quản lý và chịu trách nhiệm bảo hộ. Do vậy, không cần thiết phải quy định trong nội dung dự thảo Nghị định này.  (3) Đối với các quy định về an toàn hệ thống thông tin, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể tại Điều 4, điểm b khoản 1 Điều 18, khoản 3 Điều 23, điểm c khoản 1 Điều 34, khoản 8 Điều 35, khoản 2 Điều 36...). |
| **36** | Điều 23. Điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | Khoản 4 quy định về việc “tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử được phân phối các dịch vụ thông qua các đại lý cung cấp khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn do tổ chức cung cấp dịch vụ quy định và được sự đồng ý của cơ quan quản lý căn cước”, tuy nhiên hiện dự thảo hiện chưa quy định về việc “phân phối các dịch vụ thông qua đại lý” (đối tượng được chọn làm đại lý, thủ tục thực hiện, việc bảo mật dữ liệu, đảm báo tính chính xác trong quá trình xác thực, xử lý khi vi phạm…). Do đó đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung liên quan (đối tượng được chọn làm đại lý, thủ tục thực hiện, việc bảo mật dữ liệu, đảm bảo tính chính xác trong quá trình xác thực, xử lý khi vi phạm, quyền, trách nhiệm, phạm vi cung ứng dịch vụ của đại lý…). | Tiếp thu ý kiến, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh nội dung này tại khoản 4 Điều 23 dự thảo Nghị định như sau: “Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử được ủy thác cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông qua tổ chức khác khi tổ chức đó đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn do tổ chức cung cấp dịch vụ quy định và được sự đồng ý của cơ quan quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử.”  Việc ủy thác cho các đơn vị đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chuẩn khi cung cấp dịch vụ. Về dịch vụ được cung cấp do bên đại lý được ủy thác mang tính chất phát triển, tìm kiếm, mở rộng khách hàng. Về bảo mật dữ liệu, đảm bảo tính chính xác trong quá trình cung cấp dịch vụ được thực hiện theo quy chuẩn của Hệ thống định danh và xác thực điện tử.  Việc xác định đối tượng được chọn làm đại lý, thủ tục thực hiện, bảo mật dữ liệu, phạm vi cung ứng dịch vụ… do Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử quyết định khi xét thấy cần thiết và các đại lý bảo đảm đủ các điều kiện. |
| **37** | Điều 27. Chi phí cấp tài khoản định danh điện tử và sử dụng dịch vụ xác thực điện tử | Bộ Thông tin và Truyền thông | Tại khoản 2 Điều 27: Đề nghị làm rõ việc quy định chi phí sử dụng dịch vụ xác thực điện tử là theo thỏa thuận (không phải phí, lệ phí). Trong khi nguồn dữ liệu được hình thành do chủ thể danh tính điện tử cung cấp hoặc được cập nhật từ cơ sở dữ liệu quốc gia, hộ tịch, xuất nhập cảnh, căn cước, đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, do đó cần có sự định giá của cơ quan nhà nước (nếu cần thiết) thay vì cho phép tự thỏa thuận chi phí sử dụng dịch vụ. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Chi phí tạo lập tài khoản là miễn phí, do dó cá nhân, tổ chức sử dụng dữ liệu của mình là miễn phí; bên sử dụng dịch vụ của cá nhân, tổ chức (bên thứ 3) thì mới phải trả chi phí cho tổ chức cung cấp dịch vụ.  Do vậy, việc thanh toán chi phí sử dụng dịch vụ là do bên sử dụng dịch vụ và bên cung cấp dịch vụ tự thỏa thuận. |
| **38** | Điều 27. Chi phí cấp tài khoản định danh điện tử và sử dụng dịch vụ xác thực điện tử | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | Khoản 2 quy định về việc “tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ xác thực điện tử thanh toán chi phí cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo thỏa thuận”: như đã nêu ý kiến tại Điều 19, đề xuất trường hợp cá nhân là chủ thể danh tính điện tử” được xác thực thông tin của chính mình và không cần ký thỏa thuận, do đó đề nghị miễn phí đối với đối tượng này. Ngoài ra, cân nhắc bổ sung nội dung liên quan đến chi phí thanh toán cho đại lý cung cấp dịch vụ xác thực (đối tượng được đề cập tại khoản 4, Điều 23). | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Chi phí tạo lập tài khoản là miễn phí, do dó cá nhân, tổ chức sử dụng dữ liệu của mình là miễn phí; bên sử dụng dịch vụ của cá nhân, tổ chức (bên thứ 3) thì mới phải trả chi phí cho tổ chức cung cấp dịch vụ.  Do vậy, việc thanh toán chi phí sử dụng dịch vụ là do bên sử dụng dịch vụ và bên cung cấp dịch vụ tự thỏa thuận. |
| **39** | Điều 28. Trách nhiệm chủ thể danh tính điện tử | Bộ Tài Chính | Tại Điều 28 về trách nhiệm của chủ thể danh tính điện tử, đề nghị xem xét bổ sung quy định tại Điều 28 liên kết với khoản 5 Điều 15, nhằm cho phép chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử trong trường hợp phát hiện tài khoản này đang mất an toàn. | Nội dung trong dự thảo Nghị định đã quy định chủ thể danh tính điện tử thông báo ngay cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử khi mất kiểm soát phương tiện xác thực hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép danh tính điện tử của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn sử dụng dịch vụ. |
| **40** | Điều 29. Trách nhiệm của bên sử dụng dịch vụ | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | Đề nghị giải thích rõ về “bên sử dụng dịch vụ”. | Bên sử dụng dịch vụ là cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ xác thực điện tử |
| **41** | Điều 29. Trách nhiệm của bên sử dụng dịch vụ | Bộ Tài Chính | Điều 29 về trách nhiệm của bên sử dụng dịch vụ, đề nghị sửa tên Điều trong đó nêu rõ tên của dịch vụ (ví dụ: “Trách nhiệm của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử”). | Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh tên Điều 29 thành “Trách nhiệm của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử”. |
| **42** | Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | (1) Khoản 1: đề nghị bổ sung thêm trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử liên quan đến việc bảo mật thông tin, đảm bảo tính chính xác của việc xác thực, trách nhiệm trong trường hợp xảy ra sai sót;    (2) Khoản 2: đề nghị bỏ khoản đ) về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản phục vụ hoạt động của mình “gửi báo cáo về hoạt động định danh cho cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử khi có yêu cầu” do:  - Theo quy định tại khoản 7, điều 9, cơ quan tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản phục vụ hoạt động của mình phải chịu trách nhiệm xác thực, bảo đảm tính chính xác của tài khoản do mình tạo lập;  - Chưa làm rõ nội dung phải báo cáo;  - Trong lĩnh vực ngân hàng, hoạt động định danh có bao gồm thông tin của khách hàng, Luật Tổ chức tín dụng đã có quy định về việc cung cấp thông tin khách hàng.  - Trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.  Theo đó, việc quy định gửi báo cáo là không cần thiết. | (1) Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung nội dung trên tại điểm c khoản 1 Điều 34 dự thảo Nghị định “Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, giao dịch điện tử, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực xác thực điện tử, bảo mật thông tin, đảm bảo tính chính xác của việc xác thực; ban hành quy trình xác thực điện tử và được sự đồng ý của cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử.”  (2) Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bỏ nội dung trên tại điểm đ khoản 2 Điều 34 trong dự thảo Nghị định. |
| **43** | Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Công an | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Đề nghị bổ sung quy định vào Điều 31: "Cơ quan nhà nước được miễn chi phí sử dụng dịch vụ xác thực điện tử khi sử dụng dịch vụ xác thực phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến." | Tại Điều 27 dự thảo Nghị định quy định về chi phí cấp tài khoản định danh điện tử và sử dụng dịch vụ xác thực điện tử không quy định việc thu phí đối với Cơ quan nhà nước khi sử dụng dịch vụ xác thực điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. |
| **44** | Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Thông tin và Truyền thông | (1) Đề nghị bỏ Khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 33 vì lý do trùng lặp nội dung với khoản 1 Điều 35. Theo đó khoản 1 Điều 35 đã quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ trong đó đã bao gồm Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Quốc phòng.  (2) Đồng thời, đề nghị viết lại theo hướng, trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử hoặc căn cước điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường điện tử, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải đảm bảo sẵn sàng cung cấp dịch vụ. | (1) Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh lại các nội dung này trong dự thảo Nghị định cho phù hợp.  (2) Nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 39 dự thảo Nghị định. |
| **45** | Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng | Bộ Thông tin và Truyền thông | (1) Đề nghị bỏ Khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 33 vì lý do trùng lắp nội dung với khoản 1 Điều 35. Theo đó khoản 1 Điều 35 đã quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ trong đó đã bao gồm Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Quốc phòng.  (2) Đồng thời, đề nghị viết lại theo hướng, trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử hoặc căn cước điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường điện tử, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải đảm bảo sẵn sàng cung cấp dịch vụ. | (1) Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh lại các nội dung này trong dự thảo Nghị định cho phù hợp.  (2) Nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 39 dự thảo Nghị định. |
| **46** | Điều 36. Hiệu lực thi hành | Sơn La | Khoản 4: Đề nghị bổ sung cụm từ “hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh”, viết lại thành: “1. Tổ chức cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, chia sẻ với cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh”. | Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung nội dung trên tại khoản 4 Điều 40 dự thảo Nghị định. |
|  | Điều 36 | Đồng Nai | Tại khoản 4, Điều 36, Chương VI: đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại nội dung: “Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia”. Lý do: Ngày 11/01/2024, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ có công văn số 356/CV-TCTTKĐA đề nghị các Bộ, ngành, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương xây dựng kế hoạch phối hợp với Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ Công an để triển khai kết nối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử, tích hợp tính năng đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử (SSO) trên Cổng dịch vụ công theo hướng dẫn số 2116/TCTTKĐA06-QLHC (tích hợp trực tiếp với Hệ thống địa phương, không thông qua hệ thống xác thực tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia). | Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh nội dung tại khoản 4 Điều 40 dự thảo Nghị định cho phù hợp. |
|  | Điều 36 | Bộ Tài Chính | Về quy định tại khoản 3 Điều 36 “Tài khoản do Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh tạo lập không được sử dụng đề thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử kế từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành” (ngày 01/7/2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 36):  Do vướng mắc hiện nay về việc xác định nguồn kinh phí cho các hoạt động có tính chất đầu tư sử dụng nguồn thường xuyên của cơ quan nhà nước, có thể nhiều cơ quan cấp bộ, tỉnh không đáp ứng điều kiện để hoàn thành triển khai kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử trước ngày 01/7/2024. Bên cạnh đó, cần có thời gian để các tổ chức, doanh nghiệp tìm hiểu và thực hiện đăng ký tài khoản định danh điện tử của tổ chức trên hệ thống định danh và xác thực điện tử. Do đó, đề nghị Bộ Công an xem xét tính khả thi của quy định nêu trên, tránh để xảy ra tình trạng hàng loạt cơ quan cấp bộ, tỉnh dừng cung cấp thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công từ ngày 01/7/2024 do chưa kịp hoàn thành kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử hoặc hàng loạt tổ chức, doanh nghiệp không thực hiện được thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử do chưa kịp đăng ký tài khoản định danh điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.  Đề nghị nghiên cứu, quy định điều, khoản chuyển tiếp với lộ trình phù hợp, khả thi. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Quy định này kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử “Tài khoản do Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử đến ngày 01 tháng 7 năm 2024”. Mặt khác, nội dung quy định này nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động định danh và xác thực điện tử trên cơ sở ứng dụng dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành nhằm bảo đảm tính chính xác thông tin của chủ thể, đồng thời cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các giao dịch trên môi trường điện tử. |
|  | Điều 36 | Bộ Công Thương | Đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc điều chỉnh quy định tại Khoản 3 để đảm bảo tính khả thi và thời gian triển khai kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh tạo lập khi nghị định này có hiệu lực. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Quy định này kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử “Tài khoản do Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử đến ngày 01 tháng 7 năm 2024”. Mặt khác, nội dung quy định này nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động định danh quốc gia, bảo đảm tính chính xác thông tin của chủ thể, đồng thời cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các giao dịch trên môi trường điện tử. |

Trên đây là Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an./.